

Số: /NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày tháng 3 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2021 sang năm 2022, tỉnh Tuyên Quang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG  
KHÓA XIX, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phê duyệt Kế hoạch đầu tư và xây dựng vốn ngân sách địa phương năm 2021, tỉnh Tuyên Quang.*

*Xét Tờ trình số 21/TTr-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2021 sang năm 2022, tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 29/BC-HĐND ngày 12 tháng 3 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2021 sang năm 2022, tỉnh Tuyên Quang như sau:**

1. Tổng số vốn được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2022: 48.173,35 triệu đồng (*Bốn mươi tám tỷ, một trăm bảy mươi ba triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng*), trong đó:

- Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước: 9.850,88 triệu đồng (*Chín tỷ, tám trăm năm mươi triệu, tám trăm tám mươi tám nghìn đồng*).

- Bội chi ngân sách địa phương: 733,21 triệu đồng (*Bảy trăm ba mươi ba triệu, hai trăm mười nghìn đồng*).

- Nguồn chi thường xuyên ngân sách tỉnh bổ sung vốn đầu tư: 37.589,26 triệu đồng (*Ba mươi bảy tỷ, năm trăm tám mươi chín triệu, hai trăm sáu mươi nghìn đồng*).

2. Thời gian thực hiện và giải ngân: Không quá ngày 31 tháng 12 năm 2022.

(*Chi tiết có biểu kèm theo*)

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

## **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này có hiệu lực từ khi Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XIX, kỳ họp chuyên đề thông qua ngày 14 tháng 3 năm 2022./.

### ***Nơi nhận:***

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Tuyên Quang, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Công báo Tuyên Quang, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, (Trg).

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phạm Thị Minh Xuân**

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021 CHƯA GIẢI NGÂN HẾT ĐƯỢC PHÉP KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2022**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2021 được giao				Giải ngân kế hoạch vốn năm 2021 được giao đến ngày 31/01/2022				Chưa giải ngân kế hoạch năm 2021 (tính đến ngày 31/01/2022)	Số kế hoạch vốn năm 2021 chưa giải ngân hết được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến ngày 31/12/2022						Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:			Chủ đầu tư	Lý do kéo dài	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn vốn ngân sách địa phương		Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Bộ chi ngân sách địa phương	Nguồn tăng thu ngân sách, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư		Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Bộ chi ngân sách địa phương	Nguồn tăng thu ngân sách, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư			Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Bộ chi ngân sách địa phương	Nguồn chi thường xuyên ngân sách tỉnh bổ sung vốn đầu tư			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
<b>TỔNG CỘNG</b>			1.237.177,17	423.044,84	144.766,71	73.992,28	5.774,26	65.000,17	96.476,53	64.141,40	5.041,06	27.294,08	48.290,18	48.173,35	9.850,88	733,21	37.589,26			
1	Dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào, tỉnh Tuyên Quang gắn với phát triển du lịch đến năm 2025	1135/QĐ-UBND, 20/8/2020	180.769,43	180.769,43	30.000,00	26.968,84		3.031,16	29.045,27	26.014,11		3.031,16	954,74	954,74	954,74			Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Thuộc đối tượng theo quy định tại Điều đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ	
2	Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích lịch sử quốc gia đặc biệt địa điểm tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng.				1.000,00	1.000,00			10,76	10,76			989,24	989,24	989,24			Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Thuộc đối tượng theo quy định tại Điều đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ	
3	Xây dựng Nhà làm việc của Báo Tuyên Quang	2048/QĐ-UBND, 24/12/2021	34.912,00	34.912,00	5.000,00	5.000,00			720,60	720,60			4.279,40	4.279,40	4.279,40			Báo Tuyên Quang	Thuộc đối tượng theo quy định tại Điều đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ	
4	Trùng tu nâng cấp, xây dựng bia di tích và hàng rào bảo vệ Khu di tích ngành Tài chính trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	5505/QĐ-UBND, 31/12/2019	22.169,00	22.169,00	5.300,00			5.300,00	5.130,86			5.130,86	169,14	169,14			169,14	Sở Tài chính	Thuộc đối tượng theo quy định tại Điều đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ	
5	Đường giao thông từ đường ĐH.03 Phú Bình - Kiên Đài, huyện Chiêm Hóa đến Di tích Bộ Tài chính, thôn Nà Làng, xã Phú Bình, huyện Chiêm Hóa	1094/QĐ-UBND, 27/9/2021	14.727,00	14.727,00	5.769,00			5.769,00	5.596,62			5.596,62	172,38	172,38			172,38	Sở Tài chính	Thuộc đối tượng theo quy định tại Điều đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ	
6	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Ủy ban nhân dân xã Hồng Quang đi thôn Thượng Minh, xã Hồng Quang, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang	1242/QĐ-UBND, 09/9/2020; 719/QĐ-UBND, 23/11/2021	7.991,82	1.900,00	1.900,00			1.900,00	1.746,50			1.746,50	153,50	36,67			36,67	Ban Dân tộc	Thuộc đối tượng theo quy định tại Điều đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ	Không có nhu cầu kéo dài vốn sang năm 2022: 116,83 triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2021 được giao				Giải ngân kế hoạch vốn năm 2021 được giao đến ngày 31/01/2022				Chưa giải ngân kế hoạch năm 2021 (tính đến ngày 31/01/2022)	Số kế hoạch vốn năm 2021 chưa giải ngân hết được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến ngày 31/12/2022						Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:			Chủ đầu tư	Lý do kéo dài	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn vốn ngân sách địa phương		Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Bội chi ngân sách địa phương	Nguồn tăng thu ngân sách, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư		Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Bội chi ngân sách địa phương	Nguồn tăng thu ngân sách, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư			Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Bội chi ngân sách địa phương	Nguồn chi thường xuyên ngân sách tỉnh bổ sung vốn đầu tư			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
7	Thao trường bắn, thao trường huấn luyện xã Phúc Sơn	1973/QĐ-UBND, 29/5/2020	15.569,92	15.569,92	923,44	923,44			922,46	922,46			0,98	0,98	0,98			UBND huyện Chiêm Hóa	Thuộc đối tượng theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ	
8	Dự án đóng ô chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt tại khu xử lý rác thải tạ xã Nhữ Khê	2678/QĐ-UBND, 27/05/2021	7.054,53	7.054,53	5.000,00	5.000,00			4.930,00	4.930,00			70,00	70,00	70,00			UBND huyện Yên Sơn	Thuộc đối tượng theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ	
9	Dự án Nâng cấp thiết bị công nghệ truyền hình cho Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Tuyên Quang				100,00	100,00			-				100,00	100,00	100,00			Đài phát thanh - Truyền hình	Thuộc đối tượng theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ	
10	Chương trình đô thị miền núi phía Bắc - Thành phố Tuyên Quang (WB)	1497/QĐ-UBND 17/12/2014	843.286,77	47.046,84	5.774,26		5.774,26		5.041,06		5.041,06		733,21	733,21		733,21		UBND thành phố Tuyên Quang	Thuộc đối tượng theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ	
11	Cầu trên đường GTNT thuộc Đề án Bê tông hóa đường giao thông nông thôn và xây dựng cầu trên đường giao thông nông thôn theo Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 20/11/2020		84.096,70	84.096,70	70.000,01	30.000,00	-	40.000,01	39.488,72	29.632,37	-	9.856,35	30.511,29	30.511,29	367,63		30.143,66	Sở Giao thông vận tải	Thuộc đối tượng theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ	Dự án kết nối, có ý nghĩa phát triển kinh tế - xã hội và triển khai thực hiện quy mô rộng trên địa bàn toàn tỉnh
	<i>Trong đó:</i>																			
-	Huyện Lâm Bình	1203/QĐ-UBND, 14/8/2021	13.753,99	13.753,99	11.052,19	4.736,40		6.315,79	6.511,72	4.736,40		1.775,32	4.540,47	4.540,47			4.540,47			
-	Huyện Na Hang	1134/QĐ-UBND, 06/8/2021	13.424,00	13.424,00	11.052,19	4.736,40		6.315,79	6.311,29	4.736,40		1.574,89	4.740,90	4.740,90			4.740,90			
-	Huyện Chiêm Hóa	1177/QĐ-UBND, 12/8/2021	13.090,60	13.090,60	11.052,19	4.736,40		6.315,79	6.198,00	4.736,40		1.461,60	4.854,19	4.854,19			4.854,19			
-	Huyện Hàm Yên	1227/QĐ-UBND, 17/8/2021	14.095,49	14.095,49	11.052,19	4.736,40		6.315,79	6.619,17	4.736,40		1.882,77	4.433,02	4.433,02			4.433,02			
-	Huyện Sơn Dương	1230/QĐ-UBND, 18/8/2021	12.974,94	12.974,94	11.052,19	4.736,40		6.315,79	6.111,17	4.736,40		1.374,77	4.941,02	4.941,02			4.941,02			
-	Huyện Yên Sơn	1229/QĐ-UBND, 18/8/2021	13.067,35	13.067,35	11.052,19	4.736,40		6.315,79	6.103,06	4.736,40		1.366,66	4.949,13	4.949,13			4.949,13			

TT	Dan h mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2021 được giao				Giải ngân kế hoạch vốn năm 2021 được giao đến ngày 31/01/2022				Chưa giải ngân kế hoạch năm 2021 (tính đến ngày 31/01/2022)	Số kế hoạch vốn năm 2021 chưa giải ngân hết được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến ngày 31/12/2022						Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:			Chủ đầu tư	Lý do kéo dài	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn vốn ngân sách địa phương		Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Bội chi ngân sách địa phương	Nguồn tăng thu ngân sách, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư		Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Bội chi ngân sách địa phương	Nguồn tăng thu ngân sách, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư			Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Bội chi ngân sách địa phương	Nguồn chi thường xuyên ngân sách tỉnh bổ sung vốn đầu tư			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
-	Thành phố Tuyên Quang	1229/QĐ-UBND, 17/8/2021	3.690,33	3.690,33	3.686,87	1.581,60		2.105,27	1.634,31	1.213,97		420,34	2.052,56	2.052,56	367,63		1.684,93			
12	Đề án ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động cho hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2020-2025		26.600,00	14.799,43	14.000,00	5.000,00	-	9.000,00	3.843,70	1.911,11	-	1.932,59	10.156,30	10.156,30	3.088,89	-	7.067,41	Sở Thông tin và truyền thông	Thuộc đối tượng theo quy định tại Điều d, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ	
-	Trong đó: Dự án triển khai mở rộng hệ thống hội nghị giao ban điện tử tỉnh Tuyên Quang đến cấp xã	1701/QĐ-UBND, 02/11/2021	26.600,00	14.799,43	14.000,00	5.000,00		9.000,00	3.843,70	1.911,11		1.932,59	10.156,30	10.156,30	3.088,89		7.067,41			